**Ngày soạn: 16- 10 - 2022**

***BÀI 3*: NHỮNG GÓC NHÌN VĂN CHƯƠNG**

**(Nghị luận văn học)**

( Thời gian thực hiện: 14 tiết )

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:** Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; mục đích và nội dung chính của văn bản, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

**2. Về năng lực**

***2.1. Năng lực chung***: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

***2.2. Năng lực riêng***:

**\* Đọc :**

Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

Xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.

**\* Viết:**

Bước đàu viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**\* Nói và nghe**: Biết thảo luậ trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi. Xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.

**3. Về phẩm chất:** Có lòng nhân ái qua việc trân trọng, thấu hiểu góc nhìn của mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV
* Tranh, ảnh liên quan đến bài học
* Máy tính, ti vi chiếu tranh ảnh, trích đoạn phim.
* Bảng phụ để trình bày kết quả hoạt động nhóm.
* Phiếu học tập

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, bài thảo luận nhóm của học sinh về một vấn đề gây tranh cãi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **ĐỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ ( 10 phút )**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: *Theo em văn chương là gì? Công dụng của văn chương trong đời sống của con người?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Từ những hiểu biết của mình về văn chương, hôm nay cô cùng các con sẽ đi tìm hiểu về những góc nhìn văn chương. Trong chủ điểm này, các em sẽ nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản. Vì vậy để việc hiểu những góc nhìn khác về tác phẩm văn học có ý nghĩa gì với chúng ta. Sau đây chúng ta cùng đi vào bài học.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (10’)**

**Tri thức Ngữ văn**

**1. Mục tiêu:** - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; mục đích và nội dung chính của văn bản; chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

**2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận.

1. Dựa vào văn bản “Sọ Dừa” em đã học ở chương trình lớp 6. Em hãy trình bày ý kiến của mình về bài học rút ra từ nhân vật Sọ Dừa?

2. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là gì? Mục đích viết ra là gì?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.

Bước 3:

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4:**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

Bài học:

+ Khi xem xét, đánh giá con người không nên chỉ dữa vào hình thức bên ngoài. Điều quan trọng là xem xét phẩm chất của họ.

+ Con người nếu có hoàn cảnh khó khăn, không hoàn thiện về ngoại hình thì càng cần biết vươn lên để chứng tỏ giá trị bản thân.

Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là một tiểu loại của VB nghị luận. Mục đích là viết ra để bàn về một tác phẩm văn học và có những đặc điểm riêng tương ứng

**NV 2:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV gọi HS đọc phần Tri thức ngữ văn Mục đích và nội dung chính của VB nghị luận.

- GV giữ nguyên nhóm, yêu cầu các nhóm tìm mục đích và nội dung chính trong văn bản Sọ Dừa?

Bước 2: **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3:**

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

Nhóm 1: Mục đích đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.

Nhóm 2: Nội dung chính: Truyện cổ tích Sọ Dừa với nhân vật chính có hình hài dị dạng, thường mang lốt vật, bị mọi người xem thường, coi là “vô tích sự”. Nhưng đây là nhân vật có phẩm chất, tài năng đặc biệt. Cuối cùng, nhân vật trút bỏ lốt vật, kết hôn cùng người đẹp, sống cuộc đời hạnh phúc. Truyện Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.

Nhóm 3: ....

Nhóm 4: .....

**Bước 4:**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**2. Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận.**

- Mục đích của VB nghị luận là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề cuộc sống hoặc văn học.

- Nội dung chính của văn bản nghị luận là ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc. Để xác định nội dung chính của văn bản nghị luận, ta có thể căn cứ vào nhan đề văn bản, ý kiến, lý lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản.

**NV 3:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv đặt câu hỏi: Ý kiến của em về nhân vật Sọ Dừa?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

Hs làm việc cá nhân.

**Bước 3:**

GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Dự kiến sản phẩm:

- Chăm chỉ, chịu khó, không sợ gian khổ, biết giúp đỡ mẹ, tự tin vào bản thân; Giỏi dang, thông minh, lỗi lạc, thủy chung, ngay thẳng.

**Bước 4:**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

**3. Ý kiến trong văn bản nghị luận**

- Với văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, ý kiến lớn thể hiện quan điểm về tác phẩm cần phân tích, ý kiến nhỏ thể hiện quan điểm về các yếu tố trong tác phẩm góp phần làm sáng tỏ ý kiến lớn.

**VĂN BẢN 1:**

**EM BÉ THÔNG MINH – NHÂN VẬT KẾT TINH**

**TRÍ TUỆ DÂN GIAN**

(Trần Thị An)

**(Thời gian thực hiện 2 tiết)**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề** (5 phút)

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

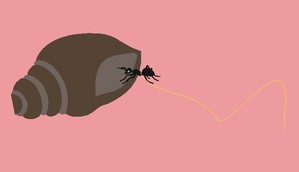
**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

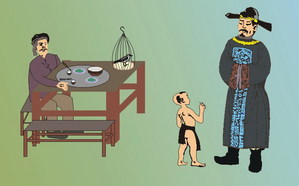
GV chuyển giao nhiệm vụ

**GV chiếu lần lượt các hình ảnh bốn lần thử thách của em bé thông minh và đặt câu hỏi.**

1. Em hãy cho biết hình 1,2,3,4 ứng với những thử thách nào của em bé?

****

Hình 1 Hình 2



Hình 3 Hình 4

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Hs quan sát và trả lời.

- GV quan sát, lắng nghe.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.

Hình 1: Thử thách thứ nhất

Hình 2: Thử thách thứ tư

Hình 3: Thử thách thứ hai

Hình 4: Thử thách thứ ba

- *GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học.*

Trong năm học lớp 6, các em đã được tìm hiểu văn bản ***Em bé thông minh*** trong chủ đề ***Miền cổ tích***. Các em đã thấy rõ được sự thông minh, nhanh trí, hồn nhiên của em bé. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu bài học dựa trên văn bản ***Em bé thông minh*** mà các em đã được học ở chương trình lớp 6 để kết nối với chủ đề hôm nay Văn bản ***Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*** theo Trần Thị An.

**HOẠT ĐỘNG 2:  HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

a. **Mục tiêu**: Giúp HS

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, bố cục của văn bản

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Hướng dẫn và gọi học sinh đọc văn bản và trả lời câu hỏi. HS thực hiện kĩ thuật nhóm đôi.

1. Em có suy nghĩ gì về các thử thách với nhân vật em trong truyện Em bé thông minh?

2. Câu văn nào thể hiện ý kiến của tác giả về truyện Em bé thông minh?

3. Theo tác giả, tại sao thử thách thứ thư là quan trọng nhất?

4. Theo em, văn bản được chia làm mấy phần?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài

- HS thảo luận theo cặp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

Gọi 1 HS trình bày.

HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Nhận xét câu trả lời của học sinh.

- GV chốt kiến thức và dẫn vào phần sau.

1. Các thử thách với nhân vật em trong truyện Em bé thông minh theo cấp độ khó tăng dần, đòi hỏi cậu bé phải suy nghĩ, dùng trí để giải quyết vấn đề, những câu đố hóc búa.

2. Trong truyện Em bé thông minh, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân.

3. Theo tác giả, thử thách thứ thư là quan trọng nhất vì thử thách này không chỉ nâng tầm em bé lên một tầm cao mới, vượt lên so với cả triều đình, chiếm vị thế áp đảo của trí tuệ nhân dân mà còn nâng tầm quan trọng của việc trả lời câu đố lên mức độ cao nhằm lấy lại danh dự vận mệnh của quốc gia.

4. 3 phần

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; Mục đích và nội dung chính của văn bản; chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\*Nhiệm vụ 1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:

1. Em hãy xác định ý kiến lớn, ý kiến nhỏ của văn bản dựa vào sơ đồ sau:

Ý kiến lớn

Ý kiến nhỏ 1 Ý kiến nhỏ 2 Ý kiến nhỏ 3

........ ...... .......

2. Theo em có thể thay đổi trật tự các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ được không?

3. Cách sắp xếp trật tự các ý kiến như thế có tác dụng gì?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- Không thể thay đổi các ý kiến lớn, nhỏ vì mỗi thử thách đều theo cấp độ từ dễ đến khó, nếu thay đổi sẽ làm cho văn bản khó hiểu.

- Tác dụng: làm nổi bật được sự thông minh, trí khôn, kinh nghiệm dân gian của em bé.

**\* NV2:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên chiếu đoạn văn và sử dụng kĩ thuật nhóm đôi trả lời các câu hỏi, thảo luận nhóm ở câu 4.

1. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? Nội dung chính của văn bản?

2. Chỉ ra các câu văn thể hiện ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong đoạn văn trên?

3. Nhận xét về cách triển khai lí lẽ, bằng chứng ở đoạn này?

4. Em hãy chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian theo bảng?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả**

- HS trình bày sản phẩm

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**- Mục đích:** Văn bản được viết nhằm thuyết phục người đọc về ý kiến: Qua truyện Em bé thông minh, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân.

- **Nội dung:** Nhân vật em bé thông minh, qua bốn lần thử thách, đã thể hiện trí tuệ của dân gian, đồng thời gửi gắm ước mơ của nhân dân về một xã hội công bằng, được hưởng hạnh phúc xứng đáng.

- Ý kiến nhỏ: Câu 1: Thông qua thử thách đầu tiên (gắn với câu hỏi thứ nhất), tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phần phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo.

- Lí lẽ: Câu 2: Thử thách đầu tiên là một tình huống thử thách tư duy và việc sử dụng ngôn ngữ.

- Bằng chứng: Câu 3: Trước câu hỏi khó, em bé đã đáp trả lại bằng việc ra lại câu hỏi cho người đố, để chỉ ra rằng, đây là một câu hỏi không thể có câu trả lời.

**- Cách triển khai:**  Ở đoạn ba, lí lẽ thể hiện quan điểm của người viết về hình ảnh nhân vật em bé thông minh trong thử thách thứ 2,3. Các bằng chứng trích ra từ văn bản và các lí lẽ đưa ra để lập luận phù hợp, thuyết phục, làm bật lên được sự thông minh , tài trí của nhân vật em bé. Cách triển khai ý kiến, lí lẽ, bằng chứng ấy đã góp phần làm tăng sức thuyết phục cho văn bản.

**\*NV3:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV đặt câu hỏi**

1. Qua văn bản trên giúp em hiểu thêm điều gì về truyện cổ tích Em bé thông minh?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời. Câu 2 hs trả lời theo ý kiến cá nhân.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả**

- HS trình bày sản phẩm

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**-**  Các lời giải đố của nhân vật em bé thông minh trong truyện thường dựa vào kiến thức từ đời sống. Việc tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm thực tế từ hiện thực đời sống rất quan trọng. Đề cao phẩm chất trí tuệ của con người, cụ thể là người lao động nghèo. Đó là trí thông minh được đúc rút từ hiện thực cuộc sống vô cùng phong phú, qua những kinh nghiệm được tích lũy từ lao động sản xuất.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (15 phút )**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm :** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Phát phiếu học tập chia nhóm cho học sinh thảo luận

1. Tổng kết nội dung bài học theo sơ đồ tư duy?

2. Rút ra đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?

|  |  |
| --- | --- |
| *Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học* | *Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian* |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS xem lại bài, thảo luận nhóm vẻ sơ đồ hoàn thành phiếu học tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS

- Chốt kiến thức.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian** | | Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận | “Thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân”. | | Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm. | Đề cao trí tuệ nhân dân. | | Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ. | - Thử thách đầu tiên  - Thử thách thứ hai và thứ ba  - Thử thách thứ tư | | Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. | - Ý kiến 1:  - Ý kiến 2:  - Ý kiến 3: | |

**4. Hoạt động 4. Vận dụng ( 10 phút )**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm :** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra yêu cầu, hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập ở nhà

**Bài tập**: Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đoạn văn sau thuộc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?

“*Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ. Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm) về cái chết của cụ Bơ-mơn, về “kiệt tác” chiếc lá cuối cùng. Người kể chuyện không “nói hộ” ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn nhưng lại cố ý “bỏ qua”, không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-mơn.”*

(*Theo* Minh Khuê, trích *Tác phẩm văn học trong nhà trường – Những vấn đề trao đổi*, tập 3, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn và về nhà hoàn thành bài tập

**Bước 3: : Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- Kiểm tra bài của học sinh, hs trình bày.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập: GV**: Nhận xét sản phẩm của hs.

* Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau

***VĂN BẢN 2*:**

**HÌNH ẢNH HOA SEN TRONG BÀI CA DAO**

**“TRONG ĐẦM GÌ ĐẸP BẰNG SEN”**

(Theo Hoàng Tiến Tựu)

**(Thời gian thực hiện 2 tiết)**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**HOẠT ĐÔNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ ( 8 phút )**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Tổ chức trò chơi ô chữ để giới thiệu về hoa sen

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV Chiếu các ô chữ cho HS lần lượt lựa chọn, HS trả lời câu hỏi GV đưa ra để tìm ra ô chữ đáp án, từ việc lập mở các ô chữ để tìm **từ khóa** của các ô chữ.

**Câu hỏi:**

1. Điền vào chỗ trống trong câu ca dao sau: **Ai ơi! Về tới … …,  
Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn**.

1. Loài hoa biểu trưng cho một nước được gọi là gì?
2. Là thơ ca dân gian Việt Nam được truyền miệng dưới dạng những câu hát không theo một điệu nhất định, thường phổ biến theo thể thơ lục bát cho dễ nhớ, dễ thuộc gọi là gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS lựa chọn ô chữ muốn trả lời, suy nghĩ trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

3 HS lựa chọn các ô chữ, lần lượt trả lời câu hỏi, các bạn khác bổ sung và tìm từ khóa

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét ý kiến của học sinh, đưa ra định hướng dẫn dắt

1. **Tháp Mười ; 2. Quốc hoa ; 3. Ca dao**

**Từ khóa: HOA SEN**

=> Hoa sen là loại hoa rất quen thuộc với mỗi chúng ta, không chỉ thế trong lòng mỗi người dân Việt, hoa sen là loài hoa tượng trưng cho vẻ đẹp tươi sáng, cao sang và thuần khiết, mang tính chất dân tộc. Và nếu như các em yêu thích ca dao dân ca nước mình, hẵn chúng ta đã từng bắt gặp hình ảnh hoa sen trong các câu hát dân ca như: *Tháp Mười đẹp nhất bông sen*

*Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ*

Hay bài ca dao:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen*  
*Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng*  
*Nhị vàng bông trắng lá xanh*  
*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

*Hoa sen đã đi vào trong văn hóa trong đời sống của Người Việt với nhiều vẻ đẹp, nhiều ý nghĩa.* Chính vì thế, hoa sen luôn là nguồn cảm hứng bất tận của thi ca và nghệ thuật… *có nhiều nhà nghiên cứu cũng đã viết rất hay và sâu sắc về ý nghĩa của hoa sen trong văn hóa của người Việt nói chung, trong những câu ca dao nói riêng. Ngày hôm nay, cô cùng các em làm quen khám phá một văn bản có ý nghĩa như thế đó là “Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao trong đầm gì đẹp bằng sen” của tác giả Hoàng Tiến Tựu*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 60 phút )**

1. **TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.

- Phát phiếu học tập cho học sinh thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bố cục của văn bản, xác định thể loại, phương thức biểu đạt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phần | Vị trí | Nội dung chính |
| Mở đầu |  |  |
| Nội dung |  |  |
| Kết thúc |  |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: HS tự đọc bài l; Học sinh thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS**: 1 học sinh trình bày ý kiến của mình. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .

**II. SUY NGẪM PHẢN HỒI**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết được vấn đề cần bàn luận, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng, kết luận của người viết, mục đích nội dung chính của bài học

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d).Tổ chức thực hiện**

**\* NV1:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu học sinh đọc lướt lại đoạn mở đầu

GV đặt câu hỏi: Căn cứ vào nhan đề và đoạn mở đầu em hãy xác định vấn đề bản luận trong văn bản là gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)**

- HS trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

**. Vấn đề bàn luận:** Vẻ đẹp ý nghĩa của hình ảnh hoa sen trong bài ca dao Trong đầm gì đẹp bằng sen.

* **NV 2**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV trình chiếu yêu cầu cho học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi

1. Chỉ ra các lí lẽ bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ cho các ý kiến

2. Nhận xét về cách triển khai các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập

**B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)**

- HS trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

* **NV 3**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV đặt câu hỏi:

1. Xác định kết luận của người viết trong văn bản

2. Qua tìm hiểu văn bản hãy xác định mục đích và nội dung chính của văn bản?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân suy nghĩa trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)** - HS trình bày sản phẩm.- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 12 phút )**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS hệ thống kiến thức, tổng kết nội dung bài học bằng sơ đồ, rút ra đặc điểm của văn nghi luận phân tích một tác phẩm văn học

**b) Nội dung**: GV hướng dẫn học sinh tổng kết nội dung bài học bằng sơ đồ

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Phát phiếu học tập chia nhóm cho học sinh thảo luận

1. Tổng kết nội dung bài học theo sơ đồ tư duy?

2. Rút ra đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM** | **BIỂU HIỆN TRONG VĂN BẢN** |
| Thể hiện rõ ý kiến của người viết |  |
| Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm |  |
| Bằng chứng được được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ |  |
| Ý kiến lí lẽ bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS xem lại bài, thảo luận nhóm vẻ sơ đồ hoàn thành phiếu học tập/

**B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)**

- HS trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS

- Chốt kiến thức.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM** | **BIỂU HIỆN TRONG VĂN BẢN** |
| Thể hiện rõ ý kiến của người viết | - Thể hiện ở nhan đề và phần mở đầu  - Các ý kiến lớn nhỏ được nêu ở phần nội dung  - Phần kết thúc có sự khẳng định ý kiến đã nêu |
| Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm | - Các ý kiến lớn nhỏ đều được làm rõ bằng các lí lẽ, bằng chứng |
| Bằng chứng được được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ | - Là hình ảnh, từ ngữ, cách diễn đạt… phù hợp và có sức thuyết phục. |
| Ý kiến lí lẽ bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí | - Các ý kiến lớn sắp sếp theo hai tầng nghĩa  - Các ý nhỏ được sắp xếp theo bố cục họp lí, thuyết phục |

1. **Hoạt động 4. Vận dụng ( 10 phút )**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, liên hệ bản thân

**b) Nội dung:** GV đưa ra yêu cầu, HS liên hệ nhân vật rút ra bài học cho bản thân

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS

**d)Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV đưa ra yêu cầu, hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập ở nhà**

**Bài tập**: Văn bản trên đã giúp em hiểu thêm điều gì về bài ca dao Trong đầm gì đẹp bằng sen. Hãy viết đoạn văn (khoảng 150- 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn và về nhà hoàn thành bài tập

**B3: : Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- Kiểm tra bài của học sinh, gọi 2 bạn trình bày

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**GV**: Nhận xét sản phẩm của hs

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau

**Bài tham khảo**

*Trong đầm gì đẹp bằng sen*  
*…. Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*

Đó là một bài ca dao quen thuộc với tất cả chúng ta. Thông qua văn bản phân tích về vẻ đẹp và giá trị của hoa sen của tác giả Hoàng Tiến Tựu, em càng hiểu rõ hơn về những ý nghĩa triết lí sâu xa hơn về cuộc sống của con người. Hình ảnh đóa hoa sen xinh đẹp khó gì sánh bằng trong đầm nước đã đi vào biết bao trang thi ca nhạc họa. Thủ pháp điệp vòng được vận dụng tinh tế ở câu thơ thứ hai và thứ ba, đã tạo nên nhạc điệu thú vị cho cả bài ca dao. Dù mọc lên từ trong bùn lầy, nhưng đóa hoa sen vẫn vươn thẳng về phía trước, đón lấy ánh mặt trời, tỏa hương thơm ngào ngạt.  Đó cũng chính là hình ảnh biểu trưng cho con người Việt Nam. Dù chân lấm tay bùn, dù hoàn cảnh khó khăn, người dân ta vẫn giữ vẹn nguyên những phẩm chất quý giá. Vẫn không ngừng cố gắng tiến về tương lai tươi đẹp phía trước. Niềm tự hào về những người con đất Việt ấy, đã được tác giả dân gian tinh tế gói lại trong bài ca dao qua biểu tượng đóa sen. Bài ca dao gợi lên sự rất gần gũi, thân quen giữa hoa sen với bản chất tốt đẹp của người lao động. Với bức tranh tuyệt mĩ được vẽ bằng ngôn ngữ, hoa sen sẽ lưu lại mãi mãi vẻ đẹp và hương thơm cao quý trong văn chương và trong lòng người dân đất Việt.

**Đọc kết nối chủ điểm:**

***Văn bản*: BỨC THƯ GỬI CHÚ LÍNH CHÌ****DŨNG CẢM**

*(Li-xơ bớt Đao-mon-tơ)*

**(Thời gian thực hiện 1 tiết)**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *C:\Users\Administrator\Desktop\buc-thu-gui-chu-linh-chi-dung-cam.png* |

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề ( 5 phút )**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối bài học, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời cá nhân liên hệ đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện :**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS: *Trong các tác phẩm truyện đã học, nhân vật nào đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?*

Hoặc: *Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem“Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm” sau đây có nội dung là gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, chân thật những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

- Nhận xét câu trả lời của HS, cần chú ý tôn trọng, khen ngợi những cảm nhận riêng của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:

Các em ạ! Thế giới cổ tích luôn là một xứ sở diệu kỳ đối với trẻ thơ. Cổ tích nuôi dưỡng tâm hồn, ước mơ, phát triển lòng yêu cái thiện, căm ghét cái ác, giúp chúng ta thành người. Những nhân vật cổ tích gần gũi như: cô bé Lọ Lem, công chúa Bạch Tuyết, chú lính chì, nàng tiên cá, … đã đi cùng các em vào những giấc mơ và cùng gởi đến các em những bài học bổ ích về cuộc sống. Hôm nay, chúng ta cùng trải nghiệm đọc kết nối văn bản “Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm” để hiểu hơn về giá trị nhân văn của câu chuyện ‘Chú lính chì dũng cảm” qua cảm nhận của bạn đọc nhé!

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút )**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Rèn kĩ năng đọc văn bản nghị luận.

- Nắm được những nội dung cơ bản về xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục, tóm tắt, …

**b. Nội dung :**

GV sử dụng KT đặt câu hỏi

HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi của vào phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện :**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV hướng dẫn cách đọc: đọc giọng nhẹ nhàng truyền cảm.

- GV đọc mẫu một đoạn.

- Yêu cầu HS đọc.

- GV giao PHT 1 cho HS tìm hiểu trước ở nhà

Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi hoàn thiện thông tin của PHT -> trình bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1**  **Văn bản: “Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm”** | | |
| Xuất xứ |  |
| Thể loại |  |
| Phương thức biểu đạt |  |
| Bố cục |  |
| Tóm tắt |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS: Quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. Hoàn thành phiếu học tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

**GV chốt và chuyển ý:** Văn nghị luận là thể loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận.

**( 1. Xuất xứ**

Trích Những bức thư đạt giải UPU lần thứ 34, NXB Bưu Điện Hà Nội 2005  
**2. Thể loại:** Văn nghị luận

(hình thức bức thư)

**3. Phương thức biểu đạt:**Nghị luận (kết hợp tự sự và biểu cảm)  
**4. Bố cục**

**- Phần 1 (**từ đầu đến "(Hans Christian Andersen)": Tình cảm của người viết đối với nhân vật chú lính chì

**- Phần 2**(tiếp đến "chỉ với một chân duy nhất"): Bài học chú lính chì gợi ra cho tác giả

**- Phần 3**(còn lại): Suy nghĩ về kết thúc của truyện “Chú lính chì dũng cảm”

**5. Tóm tắt:**

Tác giả của bức thư khâm phục sự dũng cảm của chú lính chì vì: dù chú chỉ có một chân nhưng không hề lùi bước trước bất kì mối đe dọa nào. Trái tim của chú đã chiến thắng nỗi sợ tên phù thủy trong hộp lò xo, vượt qua mọi hiểm nguy chú phải đối mặt trong lòng cống tối om. Thử thách lớn nhất là chú phải vượt qua lũ chuột và có cá đã nuốt chửng chú. May thay, chị bếp nhà cậu chú đã phát hiện ra chú khi đem cá ra làm bữa. Cuối cùng, tất cả mọi người đều bị thiêu trụi nhưng chú lính vẫn luôn giữ mãi trong tim phút giây hạnh phúc của tình yêu lãng mạn ).

**II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Nhận biết được vấn đề cần bàn luận, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng, kết luận của người viết, mục đích nội dung chính của bài học

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* NV1:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**H:** *Lí do nào khiến cậu bé viết bức thư này gửi chú lính chì?*

- Viết thư để bày tỏ tình cảm đối với nhân vật yêu thích của mình: chú lính chì

**H:** *Tác giả bức thư đã bày tỏ tình cảm gì với nhân vật chú lính chì dũng cảm?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

+ Dù chú chỉ có một chân nhưng không hề lùi bước trước bất kì mối đe dọa nào.

+ Chú vẫn vui vẻ cùng người anh em của mình sống trong ngôi nhà, được “cậu chủ yêu mến” và “cô vũ nữ ba lê bằng giấy” yêu thương.

+ Trái tim của chú đã chiến thắng nỗi sợ “tên phù thủy” trong hộp lò xo, vượt qua mọi hiểm nguy chú phải đối mặt trong “lòng cống” tối om.

+ Thử thách lớn nhất là chú phải vượt qua lũ chuột hôi hám và có cá đã nuốt chửng chú.

+ Sau này, may mắn con cá ấy lại bị đưa về chính nhà cậu chủ, chị bếp nhà cậu chủ đã phát hiện ra chú khi đem cá ra làm bữa.

+ Cuối cùng, tất cả mọi người đều bị thiêu trụi nhưng chú lính vẫn luôn giữ mãi trong tim phút giây hạnh phúc của tình yêu lãng mạn.

**B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)**

- HS trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức: *Tác giả của bức thư đã dành tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ, trân trọng cho nhân vật chú lính chì dũng cảm: Một chú lính chì có trái tim ấp ám, bản lĩnh dũng cảm luôn sẵn sàng đối mặt và vượt qua mọi hiểm nguy; gợi lên những suy ngẫm sâu sắc về nhân vật chú lính chì.*

**NV 2**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm cho học sinh thảo luận

**H:***Nhân vật chú lính chì dũng cảm đã gợi ra cho tác giả bức thư bài học gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc nhóm

**B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)**

- HS trình bày

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

*Nhân vật chú lính chì dũng cảm đã gợi ra cho tác giả bức thư bài học về cái nhìn thực tế về hiện thực trong cuộc sống đầy rẫy khó khăn mà không phải lúc nào cũng có cái kết như ta mong muốn. Đứng trước những thử thách của cuộc sống, hãy chấp nhận và đối mặt với nó, bởi khi đó bạn sẽ có thể được có những thành quả của thành công, vượt ra khỏi mảnh đất chật hẹp vốn thuộc về mình.*

**NV 3**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**H:***Tác giả bức thư suy nghĩ như thế nào về kết thúc không có hậu của truyện* ***Chú lính chì dũng cảm****? Em có đồng ý với điều đó không?*

GV có thể cho HS thảo luận nhóm đôi để tự do trình bày ý kiến của mình.

**Trả lời:**

- Tác giả muốn nói lời cảm ơn đến nhà văn An-đéc-xen vì cái kết không có hậu trong truyện *Chú lính chì dũng cảm* đã giúp tác giả nhìn nhận về thế giới thực một cách chân thực nhất. Theo em, việc để truyện có cái kết không có hậu là điều hợp lí vì sẽ truyền tải được dụng ý của nhà văn đến với người đọc.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập

**B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)**

- HS trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

*Cuộc đời mỗi người ai cũng phải trải qua thử thách, có người né tránh thử thách, có người sẵn sàng đối mặt với số phận mà không hề lùi bước trước mọi khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần.*

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG (10 phút )**

**a) Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức của bài học giới thiệu một nhân vật văn học để lại ấn tượng sâu sắc của bản thân cho người khác.

**b) Nội dung**: GV hướng dẫn học sinh cách giới thiệu một nhân vật văn học.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**H: *Hãy giới thiệu với các bạn một nhân vật văn học đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc.***

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

**Bài tham khảo:**

Nhân vật cô bé bán diêm trong truyện cổ tích "Cô bé bán diêm" của An-đéc-xen là một cô bé để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng tôi. Cô là một cô bé có tuổi thơ đầy bất hạnh. Cô bé nhà nghèo, mồ côi mẹ từ khi bà em mất, em phải sống cùng với người cha hay đánh đập, mắng nhiếc, chửi rủa. Em sống ở trên gác xép mái nhà lạnh lẽo và tối tăm. Em phải đi bán diêm để kiếm sống qua ngày. Trong một đêm giao thừa, một cô bé đầu trần, chân đất, bụng đói dò dẫm trong bóng tối. Suốt cả ngày hôm đó em không bán được bao diêm nào. Ngay cả có người nhìn thấy em rao hàng cũng không ai mua một cái và không ném cho em một đồng nào. Em ngồi nép trong một xó tường trong giá rét, nếu em không bán được bao diêm nào thì em sẽ bị cha mắng. Vì vậy em chẳng dám về nhà. Giữa trời giá rét đó em chỉ có một ước mơ duy nhất là có cuộc sống trước đây khi bà và mẹ em còn sống. Ước mơ chính đáng đó cũng là ước mơ chung của bao đứa trẻ bất hạnh khác. Nhưng thương thay, em đã đạt được hạnh phúc đó, khi em cùng bà lên thiên đường. Em hạnh phúc trước khi chết. Đôi má ửng hồng cùng nụ cười trên môi như chứng minh rằng em ra đi thật hạnh phúc. Cái chết của em đã tố cáo xã hội bất công vô cảm.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Thời gian thực hiện 2 tiết)**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề: (10 phút )**

*a. Mục tiêu:* Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức.

*b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Giải ô chữ”.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: **“Nhìn hình đoán chữ”**: Dùng những từ Hán Việt phù hợp với bức ảnh cho sẵn. Chia thành 2 đội: Mỗi đội đoán 2 từ.

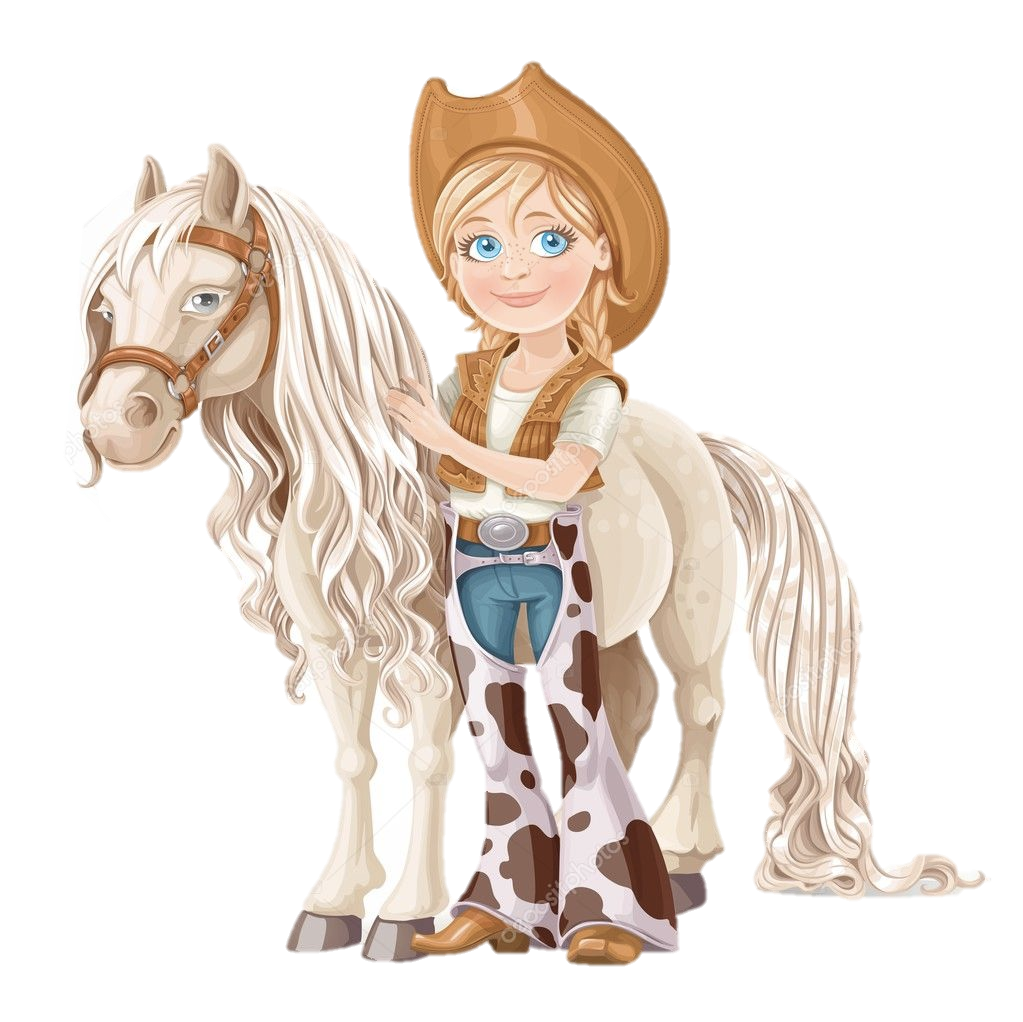
**Câu 1:** QUỐC HỘI



**Câu 2:** Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và **PHU NHÂN** đến thăm và làm việc tại thành phố Bussan, Hàn Quốc.

******

**Câu 3: BẠCH MÃ**

******

**Câu 4: QUỐC KÌ**

******

**Câu 5: GIA CẦM**

******

**Câu 6: MẪU TỬ**

******

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh chơi trò chơi “Nhìn hình đoán chữ”.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:*

Bằng việc trả lời các câu hỏi ở trò chơi, các em đã ôn lại kiến thức về yếu tố Hán Việt trong chương trình Ngữ văn lớp 6. Bài học hôm nay, các em tiếp tục tìm hiểu về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt qua tiết học: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT hôm nay nhé!

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (70 phút )**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về yếu tố Hán Việt.

- Xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.

**b. Nội dung:** HS hoạt động nhóm, cá nhân để nhắc lại lí thuyết về yếu tố Hán Việt và hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về yếu tố Hán Việt

**(Nhắc lại lí thuyết (Lớp 6 – Bài 8: Những góc nhìn cuộc sống)**

**H:** Yếu tố Hán Việt là gì? Từ Hán Việt là gì?

**H:** Từ ghép Hán Việt có mấy loại? Đó là những loại nào?

- Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.

*🡪 Yếu tố Hán Việt* có khả năng cấu tạo nên rất nhiều từ khác nhau. Việc hiểu chính xác và sử dụng đúng các yếu tố Hán Việt đóng vai trò rất quan trọng trong giao tiếp.

- Học sinh tiếp nhận và thực hiện.

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: nhớ lại kiến thức suy nghĩ và trả lời miệng.

- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi HS khác nhận xét

**\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả

**\* Bước 4. Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**1. Yếu tố Hán Việt**

- Các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt

**2. Từ Hán Việt**

- Từ Hán Việt là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt.

- Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành làm bài tập xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.

**b. Nội dung:** Học sinh làm bài tập SGK/64

**c. Sản phẩm:**Phần bài tập HS đã làm*.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Hướng dẫn HS làm các bài tập phần “Thực hành Tiếng Việt” (SGK/64)**

**NV1:**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**H:** *Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:*

a. Thông qua tình huống này, tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiệp của **trí tuệ** dân gian, qua đó bày tỏ ước mơ về một xã hội mà ràng buộc chặt chẽ của **quan niệm** phong kiến về các tầng lớp người trong xã hội đều được nới lỏng và cởi bỏ.

(Theo Trần Thị An, *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*)

b. Và ở đây, bằng kinh nghiệm về việc quan sát **thiên nhiên** và kinh nghiệm của việc **thực hành** các trò chơi dân gian ở làng quê, em bé nhanh chóng tìm ra đáp án.

(Theo Trần Thị An, *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*)

c. Bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen” đạt đến độ **hoàn mĩ** hiếm có trong loại ca dao vịnh tả cảnh vật mang tính **triết lí**.

(Theo Hoàng Tiến Tựu, *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen*)

**Tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN**

- GV phát phiếu học tập nối cột A và B sao cho đúng. Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút. Giáo viên lấy 5 bài hoàn thành nhanh nhất để chấm. Các HS còn lại chấm chéo cho nhau theo bàn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **Đáp án** |
| 1. trí tuệ | **a.** đạo lí về nhân sinh. | **1-c** |
| 2. quan niệm | **b.** tiến hành, thực hiện. | **2-f** |
| 3. thiên nhiên | **c.** sự hiểu biết, thông thái | **3-d** |
| 4. thực hành | **d.** tự nhiên. | **4-b** |
| 5. hoàn mĩ: | **e.** hoàn hảo, tốt đẹp. | **5-e** |
| 6. triết lí | **f.** cách hiểu riêng của mình về một sự vật, một vấn đề. | **6-a** |

**- GV mở rộng thêm:**

(a. - trí tuệ: là khả năng suy nghĩ và hành động sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết, ý thức chung và cái nhìn sâu sắc.

- quan niệm: là cách hiểu riêng của mỗi người về một sự vật, một vấn đề cụ thể nào đó.

b. - thiên nhiên: là những gì tồn tại xung quanh con người mà không phải do con người tạo ra.

- thực hành: là làm để áp dụng lí thuyết vào thực tế.

c. - hoàn mĩ: vẻ đẹp hoàn hảo, không tì vết, không khuyết điểm.

- triết lí: là những điều được đúc rút bởi trải nghiệm, được phát biểu ngắn gọn, xúc tích.)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.

**GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- Gv chọn 5 bài nhanh nhất.

- GV gọi đại diện 2 HS lên trình bày.

- HS chấm chéo cho nhau

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV chấm 5 bài nhanh nhất và nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm chung, chốt kiến thức.

**NV 2:**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** *Tìm những từ ghép có yếu tố Hán Việt trong bảng sau (cột hai) và giải thích ý nghĩa của những từ đó.*

**Trò chơi: TIẾP SỨC:** Chia lớp thành 4 Đội: Mỗi Đội tìm từ ghép Hán Việt cho 2 yếu tố Hán Việt trong thời gian 5 phút, các thành viên trong Đội thay phiên nhau ghi các từ ghép Hán Việt lên bảng. Sau 5 phút, Đội nào ghi đúng được nhiều từ nhất thì Đội đó sẽ chiến thắng và nhận được 1 phần quà!

+ Đội 1: **quốc (nước), gia (nhà)**

+ Đội 2: **gia (tăng thêm), biến (tai họa)**

+ Đội 3: **biến (thay đổi), hội (họp lại)**

+ Đội 4: **hữu (có), hóa (thay đổi, biến thành)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** | | 1 | Quốc (nước) | - Quốc kì: lá cờ tượng trưng cho một đất nước  - Tổ quốc: đất nước  - Quốc ca: bài hát chính thức của một nước  - Quốc ngữ: tiếng nói chung của cả nước  (đế quốc, quốc hiệu, quốc gia, cường quốc, quốc kì, quốc vượng, quốc tế,…) | | 2 | Gia  (nhà) | - Gia phong: tập quán hành vi của một gia tộc lưu truyền từ đời này qua đời khác.  - Gia chủ: người đứng đầu trong nhà.  - Gia sư: thầy dạy tại nhà  - Gia sản: tài sản trong nhà | | 3 | Gia (tăng thêm) | - Gia nhập: tham gia  - Gia tăng: thêm, tăng lên | | 4 | Biến (tai họa) | - Biến cố: tai họa, sự việc không may xảy ra  - Nguy biến: việc không may xảy ra tới thình lình, có thể gây tai hại. | | 5 | Biến (thay đổi) | - Biến hóa: thay đổi  - Biến động: thay đổi lơn có ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. | | 6 | Hội (họp lại) | - Hội nghị: cuộc họp  - Hội kiến: cuộc gặp gỡ, hẹn gặp | | 7 | Hữu (có) | - Hữu hiệu: có tác dụng, hiệu lực.  - Hữu ích: có ích. | | 8 | Hóa (thay đổi, biến thành) | - Cảm hóa: làm xúc động người khác, khiến cho thay thay đổi khí chất, bỏ ác theo thiện.  - Tiến hóa: thay đổi trở nên tốt đẹp hơn. | |

(Giải nghĩa:

- quốc gia: là một khái niệm địa lý và chính trịđể chỉ về một lãnh thổ có chủ quyền, một chính quyền và những con người của các dân tộc có trên lãnh thổ.

- quốc kỳ: lá cờ của một đất nước.

- quốc bảo: chỉ vật khí của đất nước, quốc gia.

- gia đình: là tập hợp những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- gia bảo: bảo vật của gia đình.

- gia phong: nề nếp, quy định của một gia đình.

- gia vị: là thêm vào món ăn các loại thực phẩm, thực vật chứa tình dầu tạo mùi thơm hoặc các hợp chất hóa học

- gia tăng: là nâng cao lên, thêm vào

- tai biến: là sự việc gây vạ bất ngờ

- biến cố: là sự kiện xảy ra gây ảnh hưởng lớn và có tác động mạnh đến đời sống xã hội, cá nhân.

- biến chứng: sự việc, tình hình đột ngột chuyển biến theo chiều hướng xấu, thường dùng cho sức khỏe.

- hội thao: là cuộc gặp mặt của một nhóm người có cùng một mối quan tâm chung tại một địa điểm và thời gian đã định trước để tranh luận về nội dung quan tâm

- hội tụ: là gặp nhau cùng một thời điểm.

- hội thảo: cùng gặp nhau để thảo luận, bàn bạc về một vấn đề.

- hữu hình: là những sự vật, hiện tượng có thể nhìn thấy được như bút, thước, quần áo…

- hữu ích: là có ích lợi.

- tha hóa: là trở nên khác đi, biến thành cái khác.

- chuyển hóa: là biến đổi sang dạng hoặc hình thái khác.

- biến hóa: biến đổi sang trạng thái, hình dạng, tính chất khác.

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm lần lượt lên bảng ghi

- Giáo viên: quan sát, theo dõi, hướng dẫn

**\* Bước 3. Báo cáo kết quả: Quan sát kết quả bài làm của mỗi Đội.**

**\* Bước 4. Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên cùng HS nhận xét, chấm điểm, đánh giá kết của của mỗi Đội.

- Trao thưởng

**NV 3:**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Đặt câu với 3 từ Hán Việt tìm được ở bài tập trên.

- GV mời 3 HS lên bảng đặt câu.

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- 3 HS lên bảng làm bài tập

- HS còn lại làm vào vở

**\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS đặt câu, trình bày kết quả.

**\* Bước 4. Đánh giá kết quả.**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**NV 4:**

- **Thảo luận nhóm bàn**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**H:** *Trong câu sau, nếu thay từ “tôn vinh” bằng từ “khen ngợi” thì ý nghĩa của câu có thay đổi không? Theo em, cách dùng từ nào hay hơn? Vì sao?*

“Để tôn vinh trí tuệ dân gian, người kể chuyện đã xếp đặt tình huống để cho người ra đố ở vị trí sứ giả nước ngoài, thậm chí là một nước lớn hơn đang “lăm le muốn chiếm bờ cõi nước ta”, mà nếu không trả lời được thì quốc gia sẽ phải “tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng”. (Theo Trần Thị An, “Em bé thông minh” – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian)

(- Trong câu, nếu thay từ "tôn vinh" bằng từ "khen ngợi" thì ý nghĩa của câu sẽ bị thay đổi.

- Dùng từ "tôn vinh" ở vị trí này là hợp lí bởi từ mang ý nghĩa được tôn lên vị trí cao vì có năng lực đặc biệt, sẽ khẳng định được trí tuệ dân gian mạnh hơn từ "khen ngợi".)

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS trao đổi ý kiến thảo luận nhóm bàn.

**\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời, trao đổi ý kiến, kết quả thảo luận.

**\* Bước 4. Đánh giá kết quả.**

- GV nhận xét, đánh giá.

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG (10 phút )**

**a. Mục tiêu:** HS sáng tạo, vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc đọc và thực hành tiếng Việt để hoàn thiện được một đoạn văn ngắn có sử dụng từ Hán Việt.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn ngắn với chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.

**c. Sản phẩm:** Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (Viết đoạn văn)**

**\* Bước 3: Báo cáo sản phẩm (có thể báo cáo vào tiết Viết chính)**

**\* Bước 4: Bình chọn sản phẩm chất lượng nhất.**

- Tất cả các sản phẩm (nhóm hoặc cá nhân) đều được treo xung quanh lớp để cả lớp có thể dễ dàng quan sát và nhận xét, bình chọn (kĩ thuật phòng tranh)

***Đoạn văn tham khảo***

**Đoạn 1:** Trải qua hơn bốn ngàn năm lịch sử, đất nước ta phải trải qua bao trận chiến khốc liệt và đương đầu với nhiều kẻ thù mạnh. Nhưng với tinh thần **đoàn kết** và **kiên cường** trong chiến đấu, đất nước ta đã giành được nền độc lập như ngày hôm nay. Nhân dân ta đã chấm dứt hàng trăm năm sống dưới ách gông cùm, **nô lệ** của của thực dân, **phong kiến**. Và ngày hôm nay, cả dân tộc lại cùng nhau chung sức, tiếp tục xây dựng đất nước ngày càng **phồn vinh**, giàu đẹp. Đó là truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc ta.

**Đoạn 2:** Hai tiếng “gia đình” vang lên gợi biết bao niềm **thiêng liêng**, yêu mến**. Gia đình** là mái nhà nơi cha mẹ dựng xây bằng tình yêu thương. Từ tình yêu thăm thiết ấy, những đứa con đẹp đẽ, ngoan hiền cất tiếng khóc chào đời trong niềm vui khôn xiết của cả cha và mẹ. Bởi vậy, gia đình là nơi gắn kết chúng ta bằng sợi dây ruột thịt vô cùng thiêng liêng. Cảm động hơn, gia đình là nơi bắt nguồn những tình cảm vô cùng cao đẹp tình vợ chồng, tình **mẫu tử**, tình **phụ tử**, tình anh chị em, … Minh chứng cho những những tình cảm đó không chỉ có những cảm xúc cá nhân của mỗi chúng ta dành cho người thân trong gia đình mà còn có dòng sông văn học tuôn chảy bao đời nay cũng lấy đó làm đề tài bất tận.

**Đọc mở rộng theo thể loại:**

**SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN NGẮN “CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG”**

(Theo Minh Khuê)

**(Thời gian thực hiện 1 tiết)**

|  |  |
| --- | --- |
| C:\Users\Administrator\Desktop\suc-hap-dan-cua-truyen-ngan-chiec-la-cuoi-cung (1).png |  |

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề ( 5 phút )**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:**Giáo viên đọc cho học sinh nghe bài thơ: “*Nghĩ về kiệt tác của cụ Bơ-men*” và giúp HS nêu cảm nhận về bài thơ.

“Chiếc lá cuối cùng” - chiếc lá giả trên cây

Được vẽ ra trong đêm mưa gió rét

Được vẽ ra từ tấm lòng cao đẹp

Và tình người nhân ái bao la

Cụ Bơ-men người hoạ sĩ tài hoa

Đã cứu sống một tâm hồn còn trẻ

Chẳng quản tuyết rơi, đêm đông lạnh giá

Lặng lẽ…âm thầm…vẽ chiếc lá trong đêm

Có biết đâu rằng trong đêm mưa tuyết rơi

Cụ Bơ-men vì tình yêu con người

Cứu sống Giôn-xi cụ ra đi mãi mãi

Để lại cho đời một kiệt tác “hồi sinh”.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV đọc bài thơ: “*Nghĩ về kiệt tác của cụ Bơ-men*” .

***H: Em có cảm nhận gì về bài thơ trên? Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” đã để lại tình cảm, cảm xúc gì cho tác giả qua bài thơ đó?***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT**

- GV: Yêu cầu HS trình bày.

- HS: trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Từ học sinh chia sẻ, GV dẫn vào bài mới: *Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người. Đó là sức hấp dẫn của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”…*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới: (30 phút )**

**a. Mục tiêu**

- Giúp học sinh biết cách đọc 1 văn bản nghị luận .

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản.

**c. Sản phẩm:** Phần đọc của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu cá nhân HS đọc. (đọc to, diễn cảm)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV hướng dẫn, đọc mẫu, luyện đọc

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** HS đọc to, diễn cảm văn bản

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét giọng đọc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

**\* KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**1. Các yếu tố nghị luận trong VB**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV nêu câu hỏi: Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: *(phần này đã được chuẩn bị bài ở nhà)*

**H:** *Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản"Sức hấp dẫn của truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng"?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** Đọc kĩ văn bản, xác định các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng để vẽ sơ đồ  
- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại nhà

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

**GV:** - Yêu cầu HS trình bày.

**HS:** - HS trình bày sản phẩm đã làm ở nhà trước lớp.

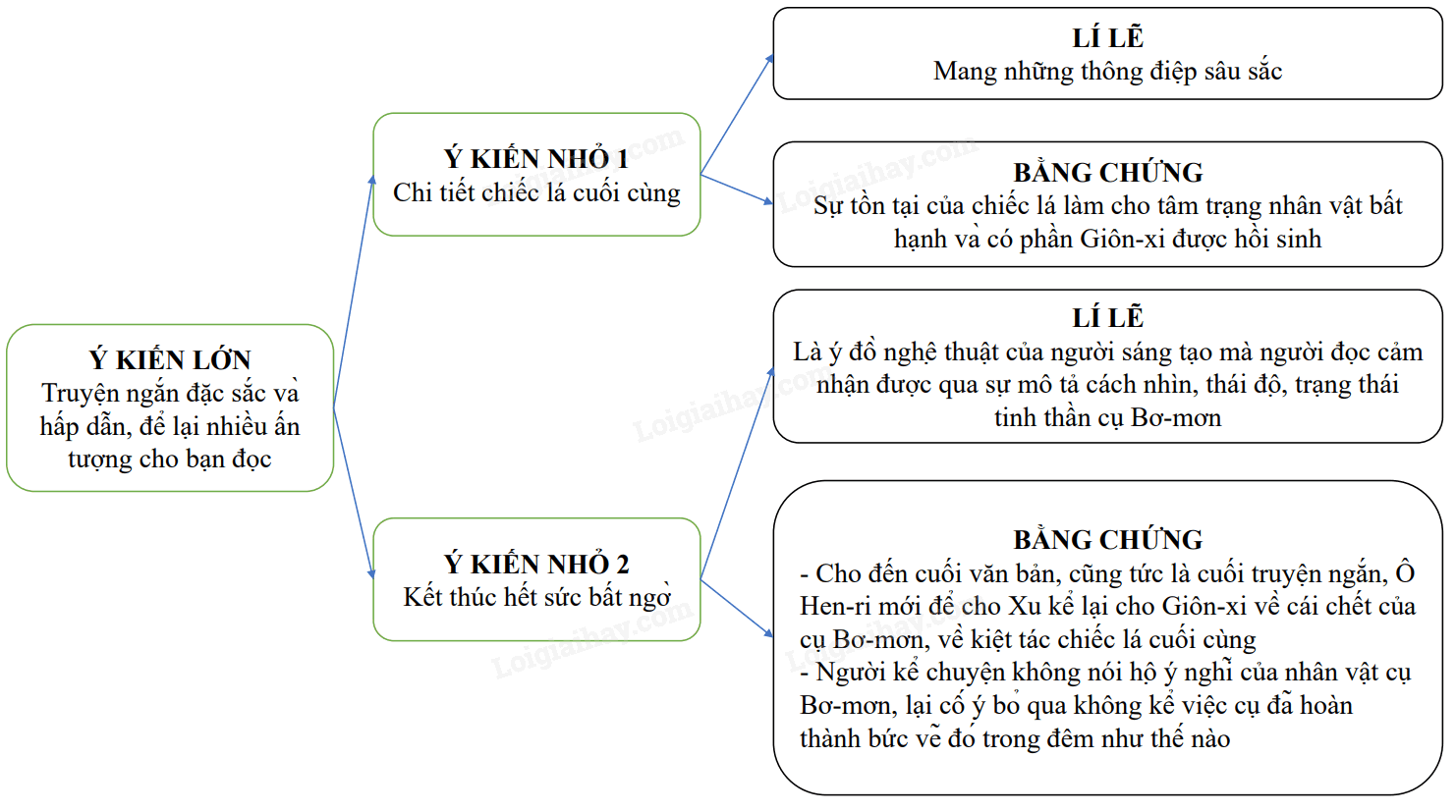
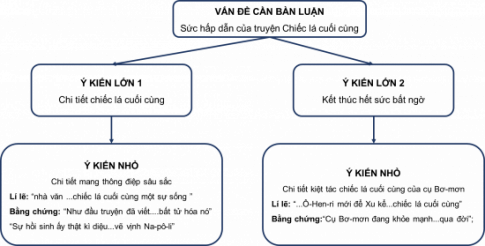
- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

+ *Văn bản NL sử dụng các lí lẽ dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.*



**2. Mục đích và đặc điểm của văn bản**

**a. Mục tiêu** - Nắm được đặc điểm, mục đích, tác dụng thể hiện mục đích của văn bản *"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng.***

**b. Nội dung:** Thông qua hoạt động cá nhân, hđ nhóm, HS nắm bắt được mục đích, đặc điểm của văn bản *"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng.***

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và kết quả thảo luận của học sinh.

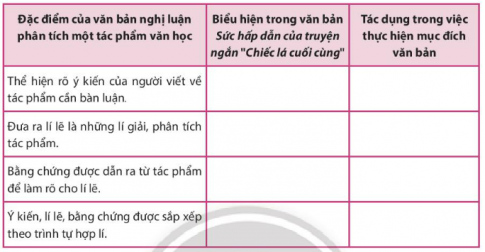
**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- **Nhiệm vụ 1:** Văn bản *"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng*** được viết ra nhằm mục đích gì?

- **Nhiệm vụ 2:** Chỉ ra những đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong “Sức hấp dẫn của truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*” và nêu tácdụng của các đặc điểm ấy trong việc thực hiện mục đích văn bản bằng cách hoàn thành bảng sau:

(thời gian thảo luận 5 phút)



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HT**

***NV1:*** Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi

***NV2:*** Thảo luận nhóm (4 nhóm)

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT**

***\* NV 1:***

**GV:** Yêu cầu HS trình bày.

**HS:**  HS trình bày ý kiến. Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

***\* NV 2:***

**GV:** Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

**HS:** - Đại diện nhóm trình bày ý kiến.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

***\* NV 1:*** Mục đích: thuyết phục người đọc hiểu được: *Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.*

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG (10 phút )**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ: *Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những ích lợi gì? Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.*

HS viết đoạn văn

**Đoạn văn tham khảo**

Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta sự hiểu biết, cái nhìn bao quát và đi đến những hành động đúng đắn trong cuộc sống. Con người có đôi mắt để nhìn đời phân biệt đục-trong, phải-trái, đúng-sai… Tuy nhiên, nếu chỉ đánh giá mọi việc bằng đôi mắt của mình, có khi chúng ta sẽ mắc phải những sai lầm. Suy nghĩ khác, góc nhìn khác giúp ta có cái nhìn toàn diện về sự vật, hiện tượng. Nó còn giúp ta tránh được lối suy nghĩ thiển cận, phiến diện và bồi dưỡng cho ta tri thức mới mẻ. Biết suy nghĩ khác biệt tạo nên tính năng động trong tư duy. Đó chính là cơ sở và động lực để con người sáng tạo và thành công. Steve Jobs đã không ngần ngại suy nghĩ về một sản phẩm khác biệt trong nhiều năm. Cuối cùng ông đã tạo ra được chiếc Iphone huyền thoại. Harland Sanders đến gần cuối cuộc đời mới nhận ra sự khác biệt của món gà rán do ông sáng tạo và gặt hái thành công lớn sau bao năm tháng vất vả. Tất cả là nhờ có điểm nhìn khác biệt, suy nghĩ khác biệt. Như vậy, để nhận định vấn đề một cách đúng đắn, chúng ta phải thay đổi góc nhìn, phải đặt mình vào vị trí của mọi người đến tìm hiểu mọi việc một cách toàn diện hơn. “Không có gì tầm thường trên thế giới. Tất cả đều phụ thuộc vào góc nhìn”.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS có thể chia sẻ trong tiết học sau hoặc nộp bài cho giáo viên

**B4: Kết luận, nhận định**

Nhậnxét ý thức làm bài của HS

**\*Hướng dẫn học tập ở nhà:** *Về học kĩ nội dung của bài học và đọc lại văn bản, chuẩn bị trước bài “Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học”*

**PHẦN VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT**

**TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**(Thời gian thực hiện 3 tiết)**

**HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề ( 10 phút )**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV đặt câu hỏi: Sau khi đọc xong một tác phẩm văn học về truyện ngắn hay tiểu thuyết chắc hẳn có những nhân vật để lại những ấn tượng sâu sắc cho em, vậy muốn chia sẻ với người khác về ý kiến, quan điểm của em về nhân vật ấy thì em có thể chia sẻ bằng cách nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, trao đổi và tìm câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động, gọi 2-3 HS bất kì trả lời

- HS trình bày sản phẩm. HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 70 phút )**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền của HS về văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết về văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi:

+ Văn nghị luận là gì? Văn nghị luận viết ra nhằm mục đích gì?

+ Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận là gì?

+ Trong bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng tác giả đưa ra phải căn cứ vào đâu?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày trước lớp; các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhận xét, bổ sung và giới thiệu nội dung bài học

**2. Hoạt động tìm hiểu tri thức về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được khái niệm, yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về khái niệm, yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trong SGK/ tr.67-68, thảo luận và trả lời câu hỏi:

+ Bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học thuộc thể văn gì, viết về điều gì?

+ Khi viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, em cần chú ý những yêu cầu nào?

+ Trình bày bố cục bài viết phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Sau khi trả lời các câu hỏi, HS điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu cầu đối với kiểu bài** | | |
| Nội dung |  |
| Lí lẽ |  |
| Bằng chứng |  |
| Bố cục bài viết |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập, trao đổi với bạn cùng bàn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện 2-3 HS trình bày trước lớp ý kiến của mình câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**3. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết được các đặc điểm của kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích văn bản mẫu

**b. Nội dung**: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích văn bản mẫu.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc thầm VB mẫu (SGK/tr.68 - 69), chú ý đến những phần đánh số và khung thông tin tương ứng. Sau đó, GV cho HS thảo luận nhóm đối với các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu văn bản bên dưới (SGK/tr.69).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Cá nhân HS đọc văn bản mẫu, theo dõi các thông tin trong khung hướng dẫn, tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích văn bản.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Một số HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có).

- HS nêu câu hỏi thắc mắc (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng:

Qua phần phân tích văn bản mẫu, HS cần:

+ Nhận biết bố cục của bài văn, chức năng của ba phần trong bài văn văn.

+ Nhận ra vai trò quan trọng lí lẽ và bằng chứng cũng như việc sắp xếp lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.

**4. Hướng dẫn quy trình viết**

**4.1. Hoạt động khởi động**

**a. Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền về quy trình viết.

**b. Nội dung**: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về quy trình viết.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK/tr.69**

- GV yêu cầu HS kể tên 4 bước trong quy trình viết một đoạn văn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp và trả lời nhanh ra giấy.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày trước lớp. Các HS khác bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Dựa vào câu trả lời của HS, GV dẫn dắt HS ôn lại quy trình viết trong

**4.2. Ôn lại quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ các bước trong quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi vào PHT số 1

**c. Sản phẩm:** Bảng tóm tắt của HS về quy trình viết theo mẫu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN** **PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC.** | |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** |
| Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết |  |
|  |
|  |
| Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý |  |
|  |
| Bước 3: Viết bài văn |  |
| Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |  |
|  |

**d.Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành thông tin vào bảng theo mẫu.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp và ghi đáp án vào phiếu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm khác bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua việc quan sát. GV chú ý đánh giá mức độ chủ động của HS trong việc đề xuất mục đích hợp tác trước khi các em bắt đầu thảo luận.

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (45 phút )**

**1. Chuẩn bị trước khi viết**

**a. Mục tiêu**: Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, tác phẩm văn học HS yêu thích, kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về việc xác định mục đích, đối tượng, đề tài và thu thập tài liệu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học theo PHT số 1 sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **Nhân vật cần phân tích:**  **Truyện:**  **Tác giả:** | |
| **Phương tiện** | **Biểu hiện trong truyện** |
| Ngoại hình |  |
| Lời nói: |  |
| Hành động |  |
| Suy nghĩ |  |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |

**d. Tổ chức thực hiện**

**Đề bài:** Em hãy viết bài văn (khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS đọc đề bài trong SGK/tr.69. Sau đó yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi:

- Với đề tài này, em sẽ viết đoạn văn cho ai, nhằm mục đích gì?

- Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?

- Em sẽ chọn viết về đề tài gì

- Em sẽ thu thập tư liệu như thế nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.

- GV hỗ trợ, đưa ra bài mẫu vài tư liệu giúp HS hình dung cách làm

- HS thu thập tư liệu theo PBT số 1 (bảng SGK/tr.70)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày trước lớp sau khi thu thập tư liệu vào PHT số 2

- HS góp ý, bổ sung, chỉnh sửa

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHT SỐ 1** | | |
| **Nhân vật cần phân tích**: Sọ Dừa  **Truyện cổ tích**: Sọ Dừa | | |
| **Phương tiện** | **Biểu hiện trong truyện** |
| Ngoại hình | xấu xí, dị dạng: không chân, không tay, tròn như một quả dừa |
| Lời nói: | - Mẹ ơi, con là người đấy, đừng vứt con mà tội nghiệp  - Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò |
| *Hành động, suy nghĩ* | *- Xin mẹ không bỏ mình đi*  *- Chăn bò cho phú ông*  *- Thổi sáo khiến cô gái út cảm động*  *- Chủ động bảo mẹ xin cưới con gái phú ông và tự lo liệu mọi thứ lễ vật*  *- Lo đèn sách thi đỗ trạng nguyên*  *- Chuẩn bị vật phòng thân cho vợ trước khi đi sứ*  *- Đưa vợ từ trong buồng ra trước mặt hai cô chị* |
| *Mối quan hệ với các nhân vật khác* | *- Với mẹ: Rất lễ phép, tự lập không cần mẹ lo cho bản thân*  *- Với phú ông: Chăn bò chăm chỉ, thông minh, giỏi giang*  *- Với vợ: Thủy chung, cẩn thận đề phòng xa cho tình huống xấu*  *- Với 2 bà chị: Nghiêm khắc, thẳng thắn trừng trị thói xấu* |

***2. Tìm ý, lập dàn ý và viết bài***

**a. Mục tiêu:** Biết tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, tác phẩm văn học HS yêu thích, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tìm ý, dàn ý và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Sau khi hoàn thành PHT số 2, GV yêu cầu:

(1) HS dựa vào PHT số 2 để tìm ý và điền vào sơ đồ SGK /tr70 như sau:

(2) Lập dàn ý

+ Mở bài: giới thiệu nhân vật cần phân tích; nêu ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.

+ Thân bài: Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật: Ý kiến về đặc điểm nhân vật; lí lẽ; bằng chứng…

+ Kết bài: khẳng định lại ý kiến của người viết; nêu cảm nghĩ về nhân vật.

Sau đó, cho HS trao đổi dàn ý trong nhóm đôi để góp ý cho nhau.

(3) HS sẽ viết đoạn văn dựa trên dàn ý (thực hiện cá nhân).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Với nhiệm vụ (1,2): HS thực hiện tại lớp.

- Với nhiệm vụ (3): HS thực hiện tại nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm. HS khác thảo luận, bổ sung (nếu có).

- Bài văn của HS sẽ được đọc trong hoạt động tiếp theo (Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định.

**3. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Biết cách chỉnh sửa bài viết của bản thân và các bạn, rút kinh nghiệm viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung: HS dựa vào bài đã viết** vàdựa vào góp ý của các bạn và GV để chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm

**c. Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS và những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.



**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trao đổi bài viết cho nhau theo nhóm đôi và dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.72 để đánh giá, nhận xét về bài viết của bạn.

GV yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trao đổi bài viết cho nhau và nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.72.

- HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ, nhận xét về bài viết của bạn (dựa trên bảng kiểm).

- Một số HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:

(1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.

(2) Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu khuyết điểm của mình và các bạn hay không?) Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt ý.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 10 phút )**

**a. Mục tiêu**: Biết vận dụng quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, HS công bố trên blog cá nhân hay trang web của lớp

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã được công bố của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Từ bài viết đã hoàn thành trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:

(1) Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.

(2) Chọn một đề tài khác để viết bài mới và công bố.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bà viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, …

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến các bạn khác trong lớp.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố.

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **Nhân vật cần phân tích:**  **Truyện:**  **Tác giả:** | |
| **Phương tiện** | **Biểu hiện trong truyện** |
| Ngoại hình |  |
| Lời nói: |  |
| Hành động |  |
| Suy nghĩ |  |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |

**BẢNG KIỂM ( Ở trên )**

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN NHÓM VỀ VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI**

**(Thời gian thực hiện 2 tiết)**

**HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề ( 7 phút )**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi, HS xem clip, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- Gv đặt câu hỏi:*

*+ Người mẹ trong đoạn clip trên có yêu thương cô bé không. Tại sao bà lại nói như vậy?*

*+ Hành động của cô bé như vậy là đúng hay sai?*

*+ Cô có yêu mẹ mình không?*

*- GV chiếu clip*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS xem clip

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả .**

- Gv yêu cầu hs trả lời.

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận nhận định .**

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài

Trong clip trên người mẹ, cô gái đúng hay sai?. Đó chính là một vấn đề mà chúng ta cần thảo luận. Và đó cũng là nội dung của tiết học ngày hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 60 phút )**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, kiến thức trong thực tế, mạng ... chắt lọc kiến thức để tiến hành thảo luận.

**c. Sản phẩm :** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

+ Gv chia lớp thành 4 nhóm và giao hs làm dàn ý ở nhà trước. Mỗi nhóm một đề khác nhau.

+ GV phát PHT số 1 cho hs.

***+ GV yêu cầu:***  *xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói theo PHT số 1*

**PHT số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Yếu tố | Dự kiến của tôi | Cách thức trình bày phù hợp |
| Mục đích bài nói |  |  |
| Người nghe |  |  |
| Thời gian |  |  |
| Không gian |  |  |

+ **Tìm ý, lập dàn ý theo PHT số 2**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, chốt ý

**Hoạt động 2: Thảo luận**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài thảo luận.

**b. Nội dung:** Các ý kiến đưa ra để thảo luận về một vấn đề nào đó trong cuộc sống.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra ý kiến của mình đồng tình hay không đồng tình.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Trong nhóm cử một đại diện làm nhóm trưởng và thư ký,*

*+ Nhóm trưởng điều hành nhóm, thư ký ghi chép lại các ý kiến của các bạn*

*+ Phản biện ý kiến của mình vào phiếu học tập số 3*

- Hs tiếp nhận

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận.

- Hs phản biện ý kiến của mình theo PHT số 3.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Hs bày tỏ ý kiến quan điểm riêng cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hướng dẫn

**Hoạt động 3: Trình bày .**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Trình bày đề tài mà tổ đã bốc thăm.

**c. Sản phẩm :** Bài thảo luận của hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.*

*+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS trình bày.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận sau khi đã chỉnh sửa.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\* Lưu ý khi trình bày:**

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.

- Khi nói cần kết hợp ngôn ngữ hình thể, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt…

- Sử dụng những từ ngữ liên kết: mặt khác, song song, bên cạnh đó, tuy nhiên…

- Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết thúc bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm gây sự chú ý từ người nghe.

- Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước.

- Trình bày theo trình tự đã chuẩn

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (23 phút )**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để thảo luận

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video hoặc thiết kế infographic bài thảo luận theo đề tài mà tổ bốc thăm.

**c. Sản phẩm học tập:** Video của nhóm học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…) hoặc thiết kế infographic

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - Hs thực hiện ở nhà

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** Hs nộp sp

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV thu nhập sản phẩm của hs qua mail hoặc zalo

- Gv nhận xét ưu, khuyết bài làm của hs.

**Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn để trong cuộc sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Bài trình bày đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |
| Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe. |  |
| Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |
| Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |
| Người trình bày ghi nhận và phàn hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả. |  |

**PHT số 2: Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phản biện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ý kiến cần phản hồi | Ý kiến đồng tình của các thành vên trong nhóm | Ý kiến phản bác của các thành vên trong nhóm |
| Ý kiến 1:……… |  |  |
| Ý kiến 2 :……… |  |  |
| Ý kiến 3:……… |  |  |

**ÔN TẬP**

**(Thời gian thực hiện 1 tiết)**

**HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề: ( 5 phút )**

**a. Mục tiêu:** HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV tổ chức trò chơi nhớ lâu, nhớ kĩ**

**-** Gv giao nhiệm vụ:

- Lớp làm 2 nhóm, yêu cầu HS gấp hết SGK, tập vở lại.

- Lớp chia thành 2 đội. Hai đội ghi nhanh vào Phiếu học tập 01 nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 8: Những góc nhìn cuộc sống theo mẫu **PHT số 1**

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Hs trao đổi và điền vào PHT số 1

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS trình bày SP

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét ưu, khuyết bài của hs.

- GV dẫn dắt vào bài

**- VB1:** Em bé thông minh - nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian

- **VB2**:Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao trong đầm gì đẹp bằng sen.

- **VB3:** Bức thư chú lính chì dũng cảm.

- **TV:** Nghĩa của từ Hán Việt.

- **VB4:** Sức hấp dẫn của truyện ngắn chiếc lá cuối cùng.

- **Viết:** Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**HOẠT ĐỘNG 2:**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 25 phút )**

**Nhiệm vụ 1: Ôn tập kiến thức về phần văn nghị luận**

1. **Mục tiêu:** HS nắm được đặc điểm khi phân tích 1 bài văn nghị luận.

**b) Nội dung:** Nhóm 1 trả lời câu hỏi 1,3

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV chuyển giao nhiệm vụ:

Hs đọc và trả lời câu hỏi: 1,3

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, chốt ý

Câu 1:

- Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là nhân vật, chi tiết, ngôn từ,..

- Trình bày lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Các lí lẽ, bằng chứng cần căn cứ vào tác phẩm đang bàn luận.

- Lí lẽ là những lí giải, phân tích về tác phẩm.

- Bằng chứng là những sự việc, chi tiết, từ ngữ, trích dẫn,..từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ.

-Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

**Câu hỏi 3:**  Khi viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học, cần lưu ý:

- Giới thiệu được nhân vật cần phân tích.

- Trình bày được ý kiến của người viết về các đặc điểm của nhân vật.

- Đưa ra lí lẽ rõ ràng, thuyết phục làm sáng tỏ ý kiến.

- Đưa ra những bằng chứng là các chi tiết, sự việc, lời nói, trích dẫn từ văn bản để làm sáng tỏ lí lẽ.

- Đảm bảo nội dung bố cục của bài.

**Nhiệm vụ 2: Ôn tập về đọc**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung của các văn bản đã học.

**b. Nội dung:** Nhóm 2 trả lời câu hỏi 2

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ C*hia lớp thành 4 nhóm.*

*+ Mỗi nhóm hoàn hoàn thành 1 ý bài tập 2 theo bảng trong SGK/75 (PHT số 2)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, chốt ý

**Nhiệm vụ 3: Thực hành Tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:** HS tìm và giải nghĩa được từ có các yếu tố Hán Việt đã được học trong bài

**b) Nội dung:** Nhóm 3 trả lời câu hỏi 5

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 5/75

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận;** + HS trình bày sản phẩm.

**Bước 4: Kết luận, đánh giá:** GV nhận xét, chốt

**Nhiệm vụ 4 : Nói và nghe**

**a) Mục tiêu:** HS biết được cách trình bày bài nói.

**b) Nội dung:** hs trả lời câu hỏi 4,6

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Bài số 4 hs họat động cá nhân*

*+ Bài số 6 chia sẻ sản phẩm của mình bằng pp hoặc infographic theo mẫu trong sgk/75*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận,

**Bước 4: Kết luận, đánh giá:** GV nhận xét, chốt

**Bảng mẫu sgk/75**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 5 phút )**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm :** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi cho HS:*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 10 phút)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm :** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv tổ chức trò chơi

- HS thực hiện nhiệm vụ

**CÂU 1: Chủ đề của bài học là gì?**

A. Cách nhìn cuộc sống. ; ***B. Những góc nhìn văn chương.***

C. Những góc nhìn cuộc sống. ; D. Cuộc sống muôn màu.

**CÂU 2: “Chiếc lá cuối cùng” là tác phẩm của**

1. ***O Hen – ri ;*** B.An - Phông xơ Đô đe

C. Hem Minh Quây ; D. Mác - kết.

**CÂU 3: Các yếu tố trong văn nghị luận là**

A. Lí luận. ***B. Lí lẽ, dẫn chứng.***

C. Bình luận. D. Tranh luận.

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kĩ năng** | **Nội dung cụ thể** |
| **Đọc - hiểu văn bản** | **Nội dung cụ thể** |
|  | **Đọc hiểu văn bản:**  **-** Văn bản 1:………………………………………….  - Văn bản 2: ………………………………………… . |
| **Đọc kết nối chủ điểm:**  Văn bản 3: …………………………………………….. |
| **Thực hành tiếng Việ**t:………………………………… |
| **Đọc mở rộng theo thể loại:**  Văn bản 4: ……………………………………………… |
| **Viết** | ….……………………………………………………… |
| **Nói và nghe** | ….……………………………………………………….. |

**PHT số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian** | **Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”** | **Sức hấp dẫn của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”** |
| Ý kiến | Truyện Em bé thông minh đề cao trí tuệ của nhân gian. | Hình ảnh cây sen được miêu tả cụ thể, chính xác, thể hiện triết lí sống cao đẹp của nhân dân. | Sức hấp dẫn của truyện Chiếc lá cuối cùng được thể hiện qua hình ảnh CLCC và kết thúc bất ngờ. |
| Lý lẽ và bằng chứng | - Lí lẽ 1: tình huống thử thách tư duy và việc sử dụng ngôn ngữ.  - Bằng chứng 1: Trước câu hỏi khó.... có câu trả lời.  - Lí lẽ 2: “Hai câu hỏi thử thách...giải pháp hợp lí”.  - Bằng chứng 2: “Nhờ nhanh trí...khiến vua bái phục.”  - Lí lẽ 3: “..người kể chuyện đã nâng nhân vật...truyện dân gian”.  - Bằng chứng 3: “để tôn vinh trí tuệ dân gian,...nước láng giềng”; “người kể còn nhấn mạnh thêm tính trầm trọng...thời gian suy nghĩ”. | - Lí lẽ 1: "trong đầm gì đẹp bằng sen"  - Bằng chứng 1: "vì tác giả bài ca dao đã khéo léo trình bàu sự khẳng định....trở thành tương đối và có tính thuyết phục"  - Lí lẽ 2: "lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng"  - Bằng chứng 2: "từ "lá xanh" qua "bông trắng" đến "nhị vàng...bông hoa sen mới nở".  - Lí lẽ 3: ...là câu chuyển (chuyển vần, chuyển nhịp, chuyển ý) để chuẩn bị cho câu kết  - Bằng chứng 3: "Bài ca dao đã có sự chuyển vần và thay đổi trật tự...vẫn chảy thông, chạy mạnh".  - Lí lẽ 4: "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"  - Bằng chứng 4: "Và thế là "sen" hóa thành người...giữ vững nhân cách thanh cao, trong sạch." | - Lí lẽ 1: “nhà văn ...chiếc lá cuối cùng một sự sống”  - Bằng chứng 1: “Như đầu truyện đã viết....bất tử hóa nó”; “Sự hồi sinh ấy thật kì diệu...vẽ vịnh Na-pô-li”  - Lí lẽ 2: “...Ô-Hen-ri mới để Xu kể...chiếc lá cuối cũng.  - Bằng chứng 2: “Cụ Bơ-mơn đang khỏe mạnh...qua đời”; |
| Mục đích viết | Đề cao trí tuệ của nhân dân | Vẻ đẹp của hoa sen trong bài ca dao | Sức hấp dẫn của truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng. |
| Nội dung chính | Ngợi ca sự thông minh tài năng của tầng lớp nông dân . | Bài ca dao có nghệ thuật tuyệt vời và ý nghĩa triết lí nhân sinh. | Truyện ngắn chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc. |